TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày: 26-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Minh

2. Ông Nguyễn Thế Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2025/TLST- HS ngày 24 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên **Vũ Văn T,** sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Vũ Văn L, sinh năm 1972 và con bà Trần Thị L1, sinh năm 1972; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ Trần Thị Diệu L2, sinh năm 2004; có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú",*"có mặt".*

Bị hại: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1952 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Phạm Thị T1, S năm 1956 (là vợ của bị hại); Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định,*"có mặt".*

2. Anh Phạm Văn H, S năm 1976 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, *"có mặt"*.

3. Anh Phạm Văn T2, S năm 1978 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, *"có mặt"*.

4. Chị Phạm Thị T3, sinh năm 1983 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội, "vắng mặt".

5. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, Tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

6. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1987 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

7. Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1990 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: Tổ A, Phường L, Quận H, thành phố Hà Nội, "vắng mặt".

8. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1993 (là con đẻ của bị hại); Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1, anh T2, chị T3, chị N, anh H1, anh H2, anh Đ là: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, *"có mặt"*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T, sinh năm 1998, trú tại xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là lái xe thuê cho anh Kim Hải H3, sinh năm 1991, trú tại xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 17/12/2024, anh H3 gọi điện bảo T đến lấy xe ô tô để chở cho khách một bức đại tự và một tủ gỗ. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô tải có tải trọng 2450 kg, nhãn hiệu KIA, màu xanh, biển số 25C-044.35 đi từ xã H, huyện H, tỉnh Nam Định để chở hàng đi tỉnh Hưng Yên. Lúc này, trên xe có anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1994, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (là chủ của những đồ vật trên). Đến khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đi đến đoạn Km 110+700, Quốc lộ B, thuộc địa phận thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định với tốc độ khoảng 52 km/h và đi ở phần đường bên phải theo hướng xã N - xã H. T quan sát thấy ở phía trước cách xe ô tô của T khoảng 100 mét có xe gắn máy biển số 29FA-6486 kéo theo thùng chở hàng do ông Phạm Văn B, sinh năm 1952, trú tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển đi cùng chiều. Khi đó T cũng nhìn thấy ở lề đường bên phải theo chiều đi có đặt biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên bên trái, do xe của ông B không có tín hiệu xin chuyển hướng nên T chủ quan cho rằng xe gắn máy này

tiếp tục đi thẳng. Vì vậy, T không giảm tốc độ mà tiếp tục điều khiển xe ô tô di chuyển theo chiều đi. Khi xe ô tô T điều khiển còn cách xe ông B khoảng 5m thì ông B điều khiển xe gắn máy có xu hướng đánh lái sang trái để rẽ sang đường. Thấy vậy, T chỉ kịp đánh lái sang bên trái để tránh nhưng do khoảng cách gần và đang đi tốc độ nhanh nên không tránh kịp, phần đầu xe ô tô bên phải do T điều khiển đã va chạm với thành thùng hàng bên trái và hông bên trái xe máy do ông B điều khiển. Hậu quả Ông B bị thương tích nằm bất tỉnh ở mặt đường, được T gọi xe để chở đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh N, ông B được chuyển điều trị tại Bệnh viện V - Hà Nội, đến ngày 18/12/2024 thì Ông B tử vong.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành xét nghiệm test chất gây nghiện và kiểm tra nồng độ cồn đối với Vũ Văn T: Kết quả đo nồng độ cồn trong máu của Vũ Văn T vào lúc 13 giờ 42 phút ngày 17/12/2024 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N là 0.00 mg/L. Kết quả xét nghiệm Test nhanh chất gây nghiện trong nước tiểu của Vũ Văn T tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N ngày 17/12/2024 là âm tính.

- Căn cứ kết quả xét nghiệm máu của nạn nhân Phạm Văn B tại Bệnh viện V - Hà Nội xác định nồng độ Ethanol trong máu là 0.00 mg/L.

Tại thời điểm xảy ra tai nạn, Vũ Văn T có giấy phép lái xe hạng B2, số 010225026642 do Sở giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 03/3/2022, có giá trị đến 03/3/2032.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thu giữ vật chứng liên quan gồm: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, màu xanh, biển số 25C-044.35; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 25C-044.35; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 25C-044.35; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Vũ Văn T; 01 xe gắn máy biển số 29FA-6486 kéo theo 1 thùng chở hàng ba bánh chở theo 03 bao xác rắn đựng hoa nhựa KT thùng 140x105x61cm.

Sau khi xảy ra tai nạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

* Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 71/KLGĐTT-KTHS ngày 26/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: Nạn nhân Phạm Văn B chết do chấn thương ngực, chảy máu trong.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG, ngày 10/01/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị thiệt hại của xe ô tô tải mang biển số 25C-044.35, nhãn hiệu KIA, số loại Frontier, màu sơn xanh, tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 2.450.000 đồng. Giá trị thiệt hại của xe gắn máy mang biển số 29FA-6486 kéo theo thùng hàng ba bánh

phía sau chở theo 03 bao xác rắn đựng bao nhựa KT thùng 140x105x61cm, tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 300.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Vũ Văn T đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình bị hại số tiền 70.000.000 đồng. Anh Phạm Văn H đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường trên, không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Văn T.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực thực hành quyền công tố tại phiên toà: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự các bên đã tự nguyện thống nhất giải quyết xong với nhau về dân sự nên về trách nhiệm dân sự không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: trả lại cho bị cáo một giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang Vũ Văn T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại là chị T3, chị N, anh H1, anh H2, anh Đ vắng mặt. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo khai nhận về hành vi đúng như cáo trạng truy tố và thừa nhận đã phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi; bản giám định pháp y; lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 17/12/2024, tại Km 110+700, Quốc lộ B, thuộc địa phận thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, Vũ Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng B2, điều khiển xe ô tô tải có tải trọng 2450 kg, nhãn hiệu KIA, màu sơn xanh, biển số 25C-044.35 theo hướng xã N - xã H, huyện N do không làm chủ tốc độ, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đi đến đoạn đường có biển báo hiệu nguy hiểm nên đã va chạm với xe gắn máy biển số 29FA-6486 kéo theo thùng chở hàng do ông Phạm Văn B, sinh năm 1952, trú tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển đi cùng chiều phía trước có dấu hiệu rẽ trái. Hậu quả ông B chết do chấn thương ngực, chảy máu trong. Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo có giấy phép lái xe theo quy định, là người đủ khả năng nhận thức được rằng, khi điều khiển phương tiện giao thông, nếu không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ thì sẽ dễ gây ra tai nạn dẫn đến hậu quả và hệ lụy khôn lường. Quá trình điều khiển xe ô tô do bị cáo không làm chủ tốc độ, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đi đến đoạn đường có biển báo hiệu nguy hiểm dẫn đến không làm chủ được tốc độ và đã xô vào bị hại đang điều khiển xe gắn máy đi cùng chiều phía trước có dấu hiệu rẽ trái, gây hậu quả nghiêm trọng làm bị hại chết đã vi phạm khoản 1, Điều 12, Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, Điều 5, Thông tư 31/2019/TT- BGTVT ngày 29/8/2019 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến sự an toàn của các phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự an toàn giao thông đường bộ. Xét thấy cần phải xử lý nghiêm nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại, cùng lo tổ chức mai táng cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Trong vụ án xác định lỗi là lỗi hỗn hợp do bị hại điều khiển xe gắn máy kéo thùng chở hàng phía sau chuyển hướng không bật tín hiệu và không chú ý quan sát, vi phạm khoản 2, Điều 15, Luật Giao thông đường bộ. Ngoài ra, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ hay bị ốm do bị bệnh động kinh có xác nhận của chính quyền địa phương nên xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại tổng số tiền 70.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị

hại đã nhận số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, màu xanh, biển số 25C-044.35, 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 25C-044.35 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 25C-044.35 là tài sản hợp pháp của anh Kim Hải H3, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H3; đối với 01 xe gắn máy biển số 29FA-6486 kéo theo thùng hàng ba bánh phía sau chở theo 03 bao xác rắn đựng hoa nhựa KT thùng 140x105x61cm xác định là tài sản hợp pháp của bị hại, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Văn H là đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng B2, số 010225026642 mang tên Vũ Văn T do Sở giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 03/3/2022, có giá trị đến 03/3/2032, qua xác minh là giấy tờ có giá trị của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

1.2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" của Công an huyện N, tỉnh Nam Định đối với bị cáo Vũ Văn T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng B2, số 010225026642 mang tên Vũ Văn T do Sở giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 03/3/2022, có giá trị đến 03/3/2032. Giấy phép lái xe nêu trên đang được lưu trong hồ sơ vụ án, bị cáo liên hệ với Văn phòng Tòa án để nhận lại.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bà T1, anh H, anh T2 có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị T3, chị N, anh H1, anh H2, anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- UBND xã Hải Hòa;
- Lưu hồ sơ + lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng M **Nguyễn Thế B1**